

- A. đi lại. B. cư trú. C. chọn nơi làm việc. D. thông tin liên lạc.

Câu 13. Tự do lưu thông dịch vụ trong EU **không** bao gồm tự do đối với các dịch vụ

- A. giao thông vận tải. B. thông tin liên lạc.
C. chọn nơi làm việc. D. ngân hàng, du lịch.

Câu 14. Đối với thị trường nội địa, các nước thuộc EU đã

- A. kí kết các hiệp định thương mại tự do. B. tăng thuế quan và kiểm soát biên giới.
C. áp dụng cùng một mức thuế hàng hóa. D. dỡ bỏ các rào cản đối với thương mại.

Câu 15. Một trong những ưu tiên hàng đầu trong chính sách môi trường của EU là

- A. giảm thiểu biến đổi khí hậu. B. bảo vệ môi trường sông, hồ.
C. phòng chống các thiên tai. D. sử dụng hợp lý tài nguyên.

Câu 16. Khu vực Đông Nam Á nằm ở

- A. phía đông nam châu Á. B. giáp với Đại Tây Dương.
C. giáp lục địa Ô-xtrây-li-a. D. phía bắc nước Nhật Bản.

Câu 17. Về tự nhiên, có thể xem Đông Nam Á gồm hai bộ phận.

- A. lục địa và hải đảo. B. đảo và quần đảo.
C. lục địa và biển. D. biển và các đảo.

Câu 18. Tự nhiên của Đông Nam Á lục địa không có

- A. địa hình bị chia cắt mạnh bởi các dãy núi.
B. hướng các dãy núi chủ yếu tây bắc - đông nam.
C. các đồng bằng phù sa do sông lớn bồi đắp nên.
D. nhiều quần đảo và hàng vạn đảo lớn, nhỏ.

Câu 19. Điểm giống nhau về tự nhiên của Đông Nam Á lục địa và Đông Nam Á biển đảo là đều có

- A. khí hậu nhiệt đới gió mùa. B. nhiều đồng bằng phù sa lớn.
C. các sông lớn hướng bắc nam. D. các dãy núi và thung lũng rộng.

Câu 20. Phát biểu nào sau đây đúng với dân cư Đông Nam Á hiện nay?

- A. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử giảm. B. Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử tăng.
C. Tỉ suất sinh giảm, tỉ suất tử tăng. D. Tỉ suất sinh tăng, tỉ suất tử giảm.

Câu 21. Dân số Đông Nam Á hiện nay có đặc điểm là

- A. quy mô lớn, gia tăng có xu hướng giảm. B. tỉ suất gia tăng tự nhiên ngày càng tăng.
C. dân số đông, người già trong dân số nhiều. D. tỉ lệ người di cư đến hàng năm rất lớn.

Câu 22. Ở nhiều nước Đông Nam Á, việc làm là một vấn đề còn gay gắt, nguyên nhân chủ yếu do

- A. quy mô dân số lớn, kinh tế còn phát triển chưa cao.
B. kinh tế chậm phát triển, gia tăng tự nhiên còn cao.
C. gia tăng dân số cao, giáo dục đào tạo còn hạn chế.
D. giáo dục đào tạo còn hạn chế, người lao động nhiều.

Câu 23. Gia tăng dân số tự nhiên ở nhiều nước Đông Nam Á đã giảm rõ rệt nhờ vào việc thực hiện tốt

- A. chính sách dân số và kế hoạch hóa gia đình.
B. việc nâng cao ý thức dân số cho người dân.
C. giáo dục và chiến lược phát triển con người.
D. công tác y tế chăm sóc sức khỏe người dân.

Câu 24. Thuận lợi của dân số đông của Đông Nam Á là

- A. nguồn lao động dồi dào, thị trường tiêu thụ rộng.
B. thị trường tiêu thụ rộng, dễ xuất khẩu lao động.
C. dễ xuất khẩu lao động, phát triển việc đào tạo.
D. phát triển đào tạo, tạo ra được nhiều việc làm.

Câu 25. Trong cơ cấu kinh tế của nhiều nước Đông Nam Á hiện nay, tỉ trọng của nông - lâm - ngư giảm, do tác động chủ yếu của

- A. quá trình công nghiệp hóa. B. quá trình đô thị hóa.
C. hiện đại hóa nông nghiệp. D. toàn cầu hóa kinh tế.

Câu 26. Vấn đề cấp thiết nhất hiện nay trong đánh bắt hải sản ở các nước Đông Nam Á là

- A. khai thác hợp lý và bảo vệ nguồn lợi sinh vật.
- B. tăng cường đánh bắt nhiều loài sinh vật biển.
- C. gắn đánh bắt với công nghiệp chế biến hải sản.
- D. mở rộng thị trường tiêu thụ sản phẩm đánh bắt.

Câu 27. Đánh bắt hải sản là ngành truyền thống ở nhiều nước Đông Nam Á, vì

- A. các nước này có vùng biển rộng; giàu tôm, cá.
- B. dân số đông, nguồn lao động giàu kinh nghiệm.
- C. hải sản là nguồn thực phẩm chủ yếu của dân cư.
- D. các nước này có đường bờ biển dài, nhiều đảo.

Câu 28. Một số ngành công nghiệp đã trở thành thế mạnh của các nước Đông Nam Á là

- A. sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, thiết bị điện tử.
- B. sản xuất và lắp ráp ô tô, máy kéo, thiết bị điện tử.
- C. sản xuất và lắp ráp ô tô, thiết bị điện tử, đóng tàu.
- D. sản xuất và lắp ráp ô tô, xe máy, chế biến thực phẩm.

Câu 29. Một số sản phẩm công nghiệp của các nước Đông Nam Á đã có được sức cạnh tranh trên thị trường thế giới chủ yếu là nhờ vào việc

- A. liên doanh với các hãng nổi tiếng ở nước ngoài.
- B. tăng cường công nhân có trình độ kỹ thuật cao.
- C. đầu tư vốn để đổi mới nhiều máy móc, thiết bị.
- D. liên kết và hợp tác sản xuất giữa các nước.

Câu 29. Hầu hết các nước Đông Nam Á đều quan tâm đến phát triển giao thông vận tải đường biển, do

- A. có vị trí giáp biển.
- B. phát triển nội thương.
- C. vận tải đường bộ yếu.
- D. có nhiều vũng, vịnh.

Câu 30. Cho bảng số liệu:

Bảng 2.3. Trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2015 – 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2015	2017	2018	2020
Xuất khẩu	1 506,0	1 682,5	1 632,9	1 676,3
Nhập khẩu	1 381,5	1 540,0	1 696,4	1 526,6

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam, 2021)

Theo bảng số liệu, để thể hiện sự thay đổi trị giá xuất khẩu, nhập khẩu hàng hoá và dịch vụ của khu vực Đông Nam Á giai đoạn 2015 – 2020, dạng biểu đồ nào sau đây là thích hợp nhất?

- A. Biểu đồ miền.
- B. Biểu đồ đường.
- C. Biểu đồ cột.
- D. Biểu đồ tròn.

Câu 31. Biện pháp chủ yếu thúc đẩy tăng trưởng kinh tế ở các nước Đông Nam Á hiện nay là

- A. tăng cường đầu tư, đẩy mạnh công nghiệp hóa.
- B. tập trung khai thác khoáng sản, tăng xuất khẩu.
- C. nâng cao trình độ lao động, chuyển dịch cơ cấu.
- D. hoàn thiện cơ sở hạ tầng, đẩy nhanh đô thị hóa.

PHẦN II. Câu trắc nghiệm đúng sai. Thí sinh trả lời từ câu 1 đến câu 4. Trong mỗi ý a)

b) c) d) ở mỗi câu, thí sinh chọn đúng hoặc sai

Câu 1: Tự do: Bốn quyền tự do của EU là tự do di chuyển, tự do lưu thông dịch vụ, tự do lưu thông hàng hóa và tự do lưu thông tiền vốn. Công dân Eu có quyền tự do sinh sống, làm việc và được bảo đảm an toàn ở bất kỳ đâu trong EU.

a) Quyền tự do đi lại, tự do cư trú, chọn nghề của mọi công dân EU được đảm bảo.

b) Tự do đối với các hoạt động vận tải du lịch.

c) Lưu thông hàng hóa giữa các nước trong EU phải đóng thuế.

d) Sản phẩm của một nước được tự do buôn bán trong thị trường chung.

Câu 2. Cho bảng số liệu:

MỘT SỐ CHỈ SỐ KINH TẾ THEO GIÁ HIỆN HÀNH CỦA CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN TRÊN THẾ GIỚI NĂM 2021

Đơn vị: Tỉ USD

Khu vực kinh tế	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP	17177,4	23315,1	17734,1	4940,9	96513,1
Đầu tư ra nước ngoài	687,1	421,8	128,0	149,9	2120,2
Trị giá xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ	8670,6	2539,6	3553,5	910,5	27876,8

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a) EU có GDP cao nhất thế giới.
- b) EU có đầu tư ra nước ngoài cao nhất thế giới.
- c) Tỷ trọng giá trị xuất khẩu hàng hóa và dịch vụ lớn nhất thế giới.
- d) GDP của EU gấp đôi GDP của Hoa Kỳ.

Câu 3. Cho thông tin sau:

Các nước EU thống nhất thực hiện mục tiêu phát triển xanh. Các hoạt động tập trung vào nền kinh tế tăng trưởng cân bằng, hướng tới tiến bộ xã hội, bảo vệ môi trường, khai thác hiệu quả tài nguyên thiên nhiên và thúc đẩy tiến bộ khoa học – công nghệ. Ví dụ: EU không nhập khẩu sản phẩm từ đánh bắt trái phép hoặc lao động cưỡng chế, đầu tư cho giáo dục và chăm sóc sức khỏe ở tất cả các khu vực trong EU, giảm sử dụng cacbon trong tất cả các hoạt động kinh tế.

- a) EU không nhập khẩu sản phẩm từ đánh bắt trái phép.
- b) Đầu tư cho giáo dục và chăm sóc sức khỏe ở tất cả các khu vực trong EU.
- c) Mục tiêu năm 2030 giảm phát thải khí nhà kính ít nhất 55%.
- d) Khai thác triệt để các nguồn tài nguyên thiên nhiên.

Câu 4. Cho đoạn thông tin sau

Đông Nam Á có nhiều điều kiện để phát triển công nghiệp như: nguồn nguyên liệu dồi dào, lao động đông, thị trường tiêu thụ rộng lớn... công nghiệp phát triển với tốc độ nhanh và đóng góp ngày càng cao trong GDP.

Năm 2020, ngành này đóng góp 35,2% GDP của khu vực và ngày càng có vị trí quan trọng trong nền kinh tế.

- a) Ngành công nghiệp của khu vực đang chuyển dịch theo hướng tăng các ngành công nghiệp khai thác, giảm các ngành công nghiệp chế biến.
- b) Các nước đi đầu trong khu vực về lĩnh vực cơ khí chế tạo máy là: Việt Nam, Mianma, Campuchia
- c) Do có nguồn nguyên liệu dồi dào, lao động đông và thị trường tiêu thụ lớn nên ngành công nghiệp thực phẩm đóng vai trò chủ đạo của nhiều quốc gia trong khu vực.
- d) Ngành công nghiệp khai thác khoáng sản là ngành công nghiệp truyền thống của khu vực này.

Câu 5. Cho bảng số liệu:

GDP VÀ TỐC ĐỘ TĂNG GDP CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á GIAI ĐOẠN 2000 – 2020 (Đơn vị: tỉ USD)

Tiêu chí/ Năm	2000	2010	2019	2020
GDP theo giá hiện hành (tỉ USD)	614,7	2017,3	3 314,1	3 083,3
Tốc độ tăng GDP (%)	7,0	7,8	4,5	1,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

- a) Quy mô GDP giai đoạn 2000 - 2019 đều tăng.
- b) Tốc độ tăng GDP giai đoạn 2000 - 2019 ở mức cao.
- c) Năm 2020, GDP giảm, tốc độ tăng GDP âm do ảnh hưởng của đại dịch COVID-19.
- d) Quy mô GDP tăng liên tục, tăng 5,0 lần giai đoạn 2000-2020.

Câu 6. Cho đoạn thông tin sau

Đặc điểm thiên nhiên Đông Nam Á cho phép phát triển nền nông nghiệp nhiệt đới với cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng; năng suất cao; tạo ra nhiều sản phẩm hàng hóa xuất khẩu có giá trị;....Tuy nhiên khu vực Đông Nam Á lại chịu ảnh hưởng của thiên tai: bão, lũ lụt, khô hạn,...

Khí hậu nhiệt đới làm gia tăng dịch bệnh, sâu hại

- a) Đông Nam Á có cơ cấu cây trồng, vật nuôi đa dạng là do khí hậu và địa hình đa dạng.
- b) Các cây trồng nhiệt đới phổ biến là cà phê, cao su, chè, lúa gạo.

c) Hoạt động sản xuất nông nghiệp tăng tính bất bình đẳng là do khí hậu nhiệt đới.

d) Thiên nhiên đa là cơ sở phát triển nhiều sản phẩm hàng hoá có giá trị.

Phần III. Câu trắc nghiệm yêu cầu trả lời ngắn.

Câu 1. Tính mật độ dân số của EU năm 2021 biết dân số là 447,1 triệu người và diện tích là 4,233 triệu km²? (Không lấy giá trị sau dấu “,” khi tính toán)

Câu 2. Tính GDP bình quân trên người của EU năm 2021 biết số dân là 447,1 triệu người và GDP là 17,2 nghìn tỉ USD? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn USD/người)

Câu 3. Cho bảng số liệu:

GDP CỦA CÁC TRUNG TÂM KINH TẾ LỚN CỦA THẾ GIỚI NĂM 2021

Đơn vị: Tỉ USD

Các trung tâm kinh tế	EU	Hoa Kỳ	Trung Quốc	Nhật Bản	Thế giới
GDP	17177,4	23315,1	17734,1	4940,9	96513,1

(Nguồn: Ngân hàng Thế giới, 2022)

Tính tỉ trọng GDP của EU so với thế giới năm 2021? (Làm tròn kết quả đến hàng đơn vị của nghìn USD/người)

Câu 4. Cho bảng số liệu:

DIỆN TÍCH, DÂN SỐ CỦA MỘT SỐ NƯỚC ĐÔNG NAM Á NĂM 2020

Nước	Diện tích (nghìn km ²)	Dân số (triệu người)
Indônêxia	1 904	273,523
Việt Nam	331,2	96,65

Tính mật độ dân số của In-đô-nê-xi-a năm 2020

Câu 5. Cho bảng số liệu:

GIÁ TRỊ XUẤT, NHẬP KHẨU CỦA PHI-LIP-PIN NĂM 2019

(Đơn vị: Triệu đô la Mỹ)

Quốc gia	Xuất khẩu	Nhập khẩu
Phi-lip-pin	3 729,7	1 577,4

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2019, NXB Thống kê 2020)

Căn cứ vào bảng số liệu trên, tính cán cân xuất – nhập khẩu của Phi-lip-pin năm 2019 (làm tròn kết quả đến hàng đơn vị).

Câu 6. Cho bảng số liệu:

TỔNG GIÁ TRỊ XUẤT NHẬP KHẨU, CÁN CÂN XUẤT NHẬP KHẨU CỦA NƯỚC TA

(Đơn vị: tỉ USD)

Năm	2005	2010	2015	2019
Tổng giá trị xuất nhập khẩu	69,2	157,0	327,8	517,6
Cán cân xuất nhập khẩu	-4,4	12,6	3,8	10,8

(Nguồn: Niên giám thống kê Việt Nam 2020, NXB Thống kê, 2021)

Cho biết tốc độ tăng của giá trị xuất khẩu cao hơn nhập khẩu là bao nhiêu % (Làm tròn đến hàng đơn vị)?

CÂU HỎI TỰ LUẬN

Câu 1. Dựa vào bảng số liệu sau hãy vẽ biểu đồ thể hiện sản lượng cao su của khu vực Đông Nam Á và thế giới trong giai đoạn 2000 - 2020. Nêu nhận xét.

SẢN LƯỢNG CAO SU CỦA KHU VỰC ĐÔNG NAM Á VÀ THẾ GIỚI GIAI ĐOẠN 2000 – 2020

Năm		2000	2010	2020
Nông sản				
	+ Đông Nam Á	5,3	8,0	10,7
	+ Thế giới	7,1	10,8	14,0

(Nguồn: Tổ chức Lương thực và Nông nghiệp Liên hợp quốc, 2022)

Câu 2. Đông Nam Á có những điều kiện tự nhiên nào thuận lợi cho phát triển cây công nghiệp nhiệt đới lâu năm?

Câu 3. Ý nghĩa của việc thiết lập hệ thống tiền tệ bằng đồng tiền chung châu Âu là gì?

Câu 4. Cho bảng số liệu:

GDP ngành công nghiệp và tỉ trọng ngành công nghiệp trong GDP của Cộng hoà Liên bang Đức giai đoạn 2000 – 2020

Năm	2000	2005	2010	2015	2020
GDP ngành công nghiệp (tỉ USD)	539,8	750,2	912,8	910,2	1 223,8
Tỉ trọng công nghiệp trong GDP (%)	29,2	26,0	27,3	29,5	28,6

(Nguồn: WB, 2022)

Hãy vẽ biểu đồ thể hiện GDP ngành công nghiệp và tỉ trọng ngành công nghiệp trong GDP của Cộng hoà Liên bang Đức giai đoạn 2000 – 2020. Rút ra nhận xét.

-----HẾT-----